

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hạnh;
- Ông Đoàn Văn Lược.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trương Minh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2023, văn bản tự khai ngày 23/01/2024, qua hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị N và bị đơn là anh Trương Minh H tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày

20/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và có 01 con chung tên Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014. Vợ chồng thực tế chỉ sống chung hạnh phúc được 02 năm đầu sau khi kết hôn, từ năm 2016 đến nay vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân: Sau khi sinh con chung thì anh H không lo làm ăn, không biết tìm kiếm việc làm để gánh vác kinh tế gia đình, tổ ấm, việc làm ăn tìm kiếm thu nhập, nuôi chăm sóc con chung tự do chị N gánh vác, riêng anh H bỏ mặc, thờ ơ, vô cảm. Năm 2016, chị N đưa con chung về tá túc, sinh sống tại nhà mẹ đẻ để làm ăn nuôi con tại ấp A, xã T, huyện B và anh H cũng không đến hỏi thăm, chăm sóc con. Nay xét thấy hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn, đoàn tụ, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án đã đến tại nơi cư trú của bị đơn Trương Minh H tại ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo mở phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn là anh Trương Minh H, anh H trực tiếp ký nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, đồng thời cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp người trực tiếp nuôi con theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, bị đơn Trương Minh H vắng mặt, không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị N, không phản tố yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn chồng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung đồng thời chị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tiến hành tố tụng, vụ án được đưa ra xét xử trong thời hạn luật định. Nguyên đơn Lê Thị N đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, riêng bị đơn Trương Minh H đã nhận đầy đủ các văn bản thông báo tham gia tố tụng nhưng không

đến Tòa án theo thông báo, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Trương Minh H, chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trương Minh H có nơi cư trú tại Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị N do Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Trương Minh H đã Tòa án được tổng đạt hợp lệ các thông báo thời gian, địa điểm tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt không lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản chấp nhận hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị N, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự theo thủ tục chung.

[3] Anh Trương Minh H, chị Lê Thị N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/10/2014 nên đây là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp theo pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Chị N khởi kiện đơn phương yêu cầu ly hôn anh Trương Minh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của chị N, lời trình bày của chị N và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi vợ chồng thường xuyên sinh sống thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh H đã phát sinh từ năm 2016 và kéo dài trong nhiều năm không thể hàn gắn, giải tỏa mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, chị N và anh H không liên lạc, không quan tâm nhau. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn anh H vì mâu thuẫn vợ

chồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Chị N, anh H có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H nhận được thông báo tham gia tố tụng nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị N. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của người chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử chấp nhận cho bà N được ly hôn anh H, chị N được trực tiếp nuôi con chung chưa đủ 18 tuổi khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật được Tòa án chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N đối với anh Trương Minh H về việc xin ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với anh Trương Minh H.

1.2. Về con chung: Chị Lê Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/11/2014.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010579 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS H. Bắc Tân Uyên;
- UBND xã T, huyện B, T. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh